

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày 09-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản (trái cây)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều;

Ông Trần Văn Lâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản (trái cây), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Văn T;

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Sơn Thị Mỹ M;

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ T, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-6-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đinh Văn T đều trình bày:

Từ năm 2017, chị Sơn Thị Mỹ M có mua của anh một số loại trái cây để bán lại và còn thiếu anh số tiền mua trái cây là 27.050.000 đồng. Lúc mua, chị M có hứa với anh sẽ trả tiền trong thời hạn sớm nhất. Sau đó, chị M trả dần cho anh được 13.350.000 đồng, còn lại 13.700.000 đồng thì ngưng luôn, không chịu trả nữa. Anh đã nhiều lần đến nhà chị M để nhắc nhở, thương lượng, yêu cầu trả số tiền còn lại nhưng chị vẫn không thực hiện. Anh có làm đơn yêu cầu gửi đến Tổ hòa giải ấp M, thị trấn H, huyện M để yêu cầu hòa giải. Tại cuộc hòa giải ngày 10-6-2019, chị M cũng thừa nhận còn thiếu anh số tiền nêu trên, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, anh không đồng ý nên hòa giải không thành.

Nay anh yêu cầu chị M trả cho anh số tiền mua trái cây còn thiếu là 13.700.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Biên bản xác minh và biên bản hòa giải cơ sở, cùng ngày 10-6-2019 của Tổ hòa giải ấp M, thị trấn H, huyện M (đều bản chính).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-8-2019 của Tòa án, bị đơn chị Sơn Thị Mỹ M trình bày:

Chị thừa nhận còn nợ tiền mua trái cây của anh Đinh Văn T tổng cộng là 13.700.000 đồng. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị không có khả năng trả cho anh T ngay một lần, chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh T cung cấp, giao nộp, cũng như lời thừa nhận của chị M thì việc khởi kiện của anh T đối với chị M là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Sơn Thị Mỹ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc bà M vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn là anh T cho rằng có bán trái cây cho bị đơn là chị M. Sau khi mua, chị M

còn nợ anh T số tiền mua trái cây là 13.700.000 đồng nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M trả cho anh số tiền này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản (trái cây).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh T và chị M là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản (trái cây) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là chị M có địa chỉ cư trú ở ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, về việc yêu cầu chị M trả nợ tiền mua trái cây còn thiếu tổng cộng là 13.700.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 10-6-2019 của Tổ hòa giải ấp M, thị trấn H, huyện M và biên bản lấy lời khai ngày 23-8-2019 của Tòa án, chị M đều thừa nhận còn nợ anh T tiền mua trái cây là 13.700.000 đồng. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị M còn nợ anh T số tiền mua trái cây 13.700.000 đồng là sự thật.

[5] Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. 2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.....”*. Như vậy, đáng lẽ ra, sau khi mua trái cây thì chị M phải thanh toán tiền đầy đủ cho anh T trong thời hạn sớm nhất, nhưng đến nay chị vẫn không thanh toán. Do đó, yêu cầu nêu trên của anh T là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ.

[7] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận toàn bộ nên chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $13.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 685.000 \text{ đồng}$, còn anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là anh T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là chị M còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Văn T. Buộc chị Sơn Thị Mỹ M trả cho anh Đinh Văn T số tiền mua trái cây còn thiếu là 13.700.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Án phí:

- Chị Sơn Thị Mỹ M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 685.000 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Đinh Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 342.500 đồng (Ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006247 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm